

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

Về việc: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - TỈNH B
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Bá Thành.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Th - tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” . Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ - xã Tr - huyện Th - tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Ch 3 - thị trấn L - huyện L - tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc C, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Đ - xã Tr - huyện Th - tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Phạm Ngọc C vào ngày 26 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L - huyện L - tỉnh B. Trước khi kết hôn cả hai được tự do tìm hiểu và có tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn chị T về chung sống với anh C tại thôn Đ - xã Tr - huyện Th - tỉnh B ngay. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và từ đầu năm 2018 đến nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở đồng thời sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ với anh C. Nay, chị T xác định có thời gian sống ly thân với anh C đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh C không thể về đoàn tụ để tiếp tục chung sống nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Phạm Ngọc C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống giữa chị T với anh Phạm Ngọc C có với nhau 01 con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011. Hiện cháu Tr đang ở cùng chị T nên ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu Tr. Về cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị Nguyễn Thị T xác nhận không có vướng mắc gì với anh Phạm Ngọc C nên chị Tuyên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh Phạm Ngọc C từ chối làm việc với Tòa án nên Tòa án đã tiến hành kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh Cẩm và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Phạm Ngọc C và xin được trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr. Do anh Phạm Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh C.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Phạm Ngọc C, nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Phạm Ngọc C vào ngày 26 tháng 10 năm 2010. Trước khi kết hôn anh C và chị T có được tự do tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn L - huyện L - tỉnh B. Việc kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh C và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T với anh C đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 mà nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn và sinh hoạt hàng ngày cũng như trong cách nuôi dạy con chung nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Từ tháng 01 năm 2018 đến nay, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ nên tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh C nhưng anh C từ chối làm việc với Tòa án và có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết việc chị T xin ly hôn vắng mặt. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị T với anh C không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T với anh Phạm Ngọc C có 01 con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nhận nuôi con chung. Cháu Tr cũng có mong muốn được tiếp tục ở với chị T và anh C có văn bản đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cháu Tr đang sinh sống cùng chị T được chị T chăm sóc phát triển khỏe mạnh bình thường nên cần tiếp tục giao con chung là cháu Tr cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị Nguyễn Thị T xác định giữa chị T với anh Phạm Ngọc C nhận không có vướng mắc gì nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh Phạm Ngọc C có văn bản xác định giữa anh C với chị T cũng không có bất cứ vướng mắc gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không đề cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc C.
- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Phạm Ngọc C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0003467 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th - tỉnh B.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tuyên